

Vietnam Daily Review

Dấu hiệu tiếp diễn xu hướng giảm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/7/2022	•		
Tuần 25/7-29/7/2022	•		
Tháng 7/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở:

Thị trường giảm nhẹ trong cả phiên sáng quanh ngưỡng 1190, sau đó giảm nhẹ trong phiên chiều và kết phiên tại mốc 1185.07, giảm hơn 3 điểm so với ngày hôm qua. Tuy thị trường giảm điểm nhẹ nhưng số mã giảm áp đảo số mã tăng và có tận 14/19 ngành giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Hiện tại thị trường vẫn đang trong xu hướng tích lũy trên ngưỡng 1185; trong ngắn hạn, thị trường vẫn có thể tiếp tục duy trì xu hướng này cho đến khi có dòng tiền vào và đẩy chỉ số bật lên.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Short các HĐTL trong các phiên giao dịch tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/07/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-3.43** điểm, đóng cửa **1185.07** điểm. HNX-Index **-2.5** điểm, đóng cửa **282.88** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.21)**, **MSN (+0.51)**, **SAB (+0.44)**, **BID (+0.19)**, **BCM (+0.18)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.13)**, **VNM (-0.47)**, **HPG (-0.36)**, **REE (-0.28)**, **VHM (-0.22)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 8,070 tỷ đồng, giảm **-7.88%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 9,447 tỷ đồng.
- Biên độ giao động: 9.71 điểm. Thị trường có **139** mã tăng, 71 mã tham chiếu, **311** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **54.88** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VCB (23.35 tỷ)**, **MWG (21.95 tỷ)**, **SSI (21.56 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **2.3** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1185.07**

Giá trị: 8069.62 tỷ **-3.43 (-0.29%)**

Khối ngoại (ròng): 54.88 tỷ

HNX-INDEX **282.88**

Giá trị: 784.25 tỷ **-2.5 (-0.88%)**

Khối ngoại (ròng): 2.3 tỷ

UPCOM-INDEX **88.41**

Giá trị: 0.74 tỷ **0.06 (0.07%)**

Khối ngoại (ròng): -164.23 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	98.4	1.79%
Giá vàng	1,724	0.27%
Tỷ giá USD/VND	23,364	-0.12%
Tỷ giá EUR/VND	23,843	-0.54%
Tỷ giá JPY/VND	17,109	-0.03%
LS liên NH 1 tháng	3.8%	0.34%
LS TPCP 5 năm	2.9%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	23.4	DGC	-38.7
MWG	22.0	VNM	-16.9
SSI	21.6	DPM	-11.3
LPB	20.5	GAS	-11.3
KDH	19.2	IJC	-8.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 26/07

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	USD/barrel	96.46	1.85%	-2.98%	-9.32%	34.14%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/barrel	104.82	1.61%	-1.36%	-5.55%	40.70%	PVT	GAS, BSR
Xăng	UScent/gallon	3.36	4.55%	2.95%	-10.14%	45.59%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/ounce	1723.31	-0.38%	0.84%	-5.45%	-4.11%		PNJ
Bạc	USD/ounce	18.41	-0.86%	-1.43%	-12.94%	-26.86%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1473.00	2.68%	-1.62%	-3.69%	4.26%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	UScent/bushel	770.00	1.45%	-5.26%	-16.08%	13.74%	AFX	
Sữa	USD /cwt	22.54	0.09%	-0.04%	-7.36%	36.36%	KDC	VNM, GTN
Cao su*	JPY/kg	157.40	1.09%	0.06%	-2.60%	-4.66%	SRC, CSM	DPR, PHR
Đường	US cent/lb	17.47	-2.35%	-9.99%	-4.54%	-5.16%	VNM, GTN	SBT, LSS
Cà phê	US cent/lb	2.83	0.00%	0.00%	2.17%	-15.27%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD /ton	210.05	1.62%	-2.89%	-7.06%	1.08%	CAV, SAM	MSN, ACM
Thép*	USD/ton	3.37	0.27%	0.55%	-10.92%	-26.58%	PC1, CTD	HPG
Thép HRC*	USD/ton	3889.00	1.57%	4.74%	-10.60%	-30.70%		
Nhôm	USD/ton	2415.00	-2.19%	-0.82%	-3.23%	-3.53%	CAV, SAM	
Quặng sắt*	USD/ton	103.00	2.49%	2.49%	-11.97%	-49.63%	HPG	
Than đá	USD/ton	409.20	1.44%	-0.20%	3.59%	173.26%	HT1, HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu tăng 2 USD/thùng, được thúc đẩy bởi lo ngại nguồn cung, đồng USD giảm và thị trường chứng khoán tăng mạnh, song mức tăng bị hạn chế bởi lo ngại nhu cầu nhiên liệu có thể suy giảm nếu Cục Dự trữ Liên bang Mỹ tăng lãi suất quá mạnh
- Chốt phiên giao dịch ngày 25/7, dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2022 tăng 1.95 USD tương đương 1.9% lên 105.15 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI tăng 2 USD tương đương 2.1% lên 96.7 USD/thùng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.4% xuống 1,719.49 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8/2022 trên sàn New York giảm 0.5% xuống 1,719.1 USD/ounce.
- Giá vàng giảm do lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng trở lại, trong khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ dự kiến sẽ tăng lãi suất thêm 75 điểm cơ bản vào cuối tuần này.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2022 trên sàn Đại Liên tăng 7.1% lên 711 CNY (105.27 USD)/tấn, trong phiên có lúc đạt 723.5 CNY/tấn – cao nhất kể từ ngày 14/7/2022.
- Giá quặng sắt tại Trung Quốc tăng, do kỳ vọng nền kinh tế trong quý 3/2022 tại nước sản xuất và tiêu thụ thép hàng đầu hồi phục và sẽ hỗ trợ cho lĩnh vực bất động sản đang gặp khó khăn của nước này.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 12/2022 trên sàn Osaka tăng 1.4 JPY tương đương 0.6% lên 237.9 JPY (1.74 USD)/kg.
- Giá cao su tại Nhật Bản rời khỏi chuỗi giảm 3 phiên liên tiếp và theo xu hướng giá cao su tại Thượng Hải tăng, do giảm bớt lo ngại nhu cầu tại nước tiêu thụ hàng đầu – Trung Quốc – chậm lại.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 9/2022 trên sàn ICE tăng 3.35 US cent tương đương 1.6% lên 2.1005 USD/lb.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2022 trên sàn ICE giảm 0.42 US cent tương đương 2.3% xuống 17.47 US cent/lb – thấp nhất kể từ ngày 21/7/2021.

Thị trường chứng khoán thế giới

	26/7	% 26/7	25/7	% 25/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1185.07	-0.29%	1188.50	-0.52%	0.57%	-0.03%
S&P 500			3966.84	0.13%	3.55%	5.50%
HĐTL S&P500	3961.00	-0.23%	3970.00	0.13%	0.60%	4.24%
Shang-hai	3277.44	0.83%	3250.39	-0.60%	-0.06%	-2.16%
Euro Stoxx	3599.59	-0.13%	3604.16	0.21%	0.34%	1.88%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	63.5	66.6	6	-1.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/18/2022	GVR	23.2	26.5	21.9	22.75	8	-1.94%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

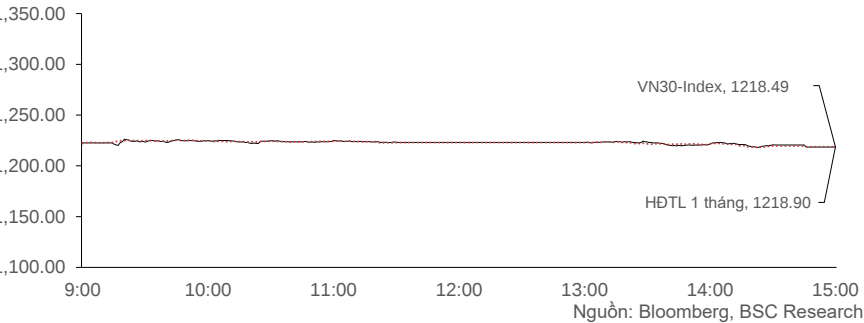
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	SL	18	-11.07%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ	FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	2	0.00%	-1.93%	-1.93%	7
Cổ phiếu đã chốt	249	221	7.10%	-7.54%	4.21%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2207	1234.10	0.65%	15.61	7.4%	203,851	7/21/2022	0
VN30F2208	1218.90	-0.25%	0.41	-17.7%	154,039	8/18/2022	25
VN30F2209	1219.20	-0.19%	0.71	-45.7%	95	9/15/2022	53
VN30F2212	1217.60	-0.20%	-0.89	33.3%	76	12/15/2022	144

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -4.11 điểm xuống 1218.49 điểm, biên độ dao động 8.99 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VNM, HPG, FPT và TCB đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30. Chỉ số VN30 hôm nay vận động với biên độ nhỏ, thanh khoản thấp, hình thành cây nến giảm nằm trọn trong cây nến phiên trước đó. Các chỉ báo kỹ thuật và mẫu hình nền tiếp tục ủng hộ cho sự tiếp diễn của xu hướng giảm. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Short các HĐTL trong các phiên giao dịch tới.
- Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều giảm, chỉ riêng HĐ VN30VF2212 tăng so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở, các HĐ đều giảm, chỉ riêng HĐ VN30VF2209 tăng so với phiên trước đó.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2205	8/22/2022	27	5:1	3,800	39.44%	1,000	80	33.33%	6	13.29	32,222	32,222	26,050
CKDH2206	9/20/2022	56	7.26:1	24,100	35.32%	1,100	100	11.11%	10	10.28	69,936	52,999	37,050
CHDB2205	10/20/2022	86	5:1	17,600	38.58%	1,000	370	8.82%	141	2.63	34,261	27,111	23,600
CHPG2208	10/7/2022	73	3.78:1	31,400	36.72%	2,500	320	3.23%	10	31.01	39,406	40,000	21,650
CPDR2204	1/3/2023	161	16:1	5,300	31.21%	1,000	550	1.85%	162	3.39	71,419	57,979	52,300
CVHM2211	3/28/2023	245	16:1	200	25.44%	1,000	720	1.41%	199	3.61	76,359	64,999	58,700
CMSN2208	10/7/2022	73	14.8:1	84,800	42.66%	2,400	1,360	0.74%	809	1.68	111,485	104,233	110,000
CVHM2209	12/27/2022	154	15.5:1	32,200	25.44%	1,000	400	0.00%	62	6.45	89,354	69,979	58,700
CVHM2210	1/3/2023	161	16:1	544,500	25.44%	1,000	310	0.00%	13	24.66	97,439	79,999	58,700
CVJC2202	9/20/2022	56	20:1	8,500	27.86%	1,100	140	0.00%	6	23.18	173,989	156,789	125,100
CACB2201	9/20/2022	56	3.2:1	347,400	28.86%	1,500	240	0.00%	31	7.63	31,111	35,500	24,050
CHDB2207	12/7/2022	134	3:1	4,700	38.58%	2,500	1,310	-0.76%	666	1.97	24,860	24,500	23,600
CVNM2204	10/7/2022	73	9.67:1	218,500	26.79%	1,500	740	-1.33%	470	1.57	70,603	73,000	72,000
CVRE2210	12/7/2022	134	4:1	5,900	39.44%	2,300	1,020	-1.92%	406	2.52	28,800	28,800	26,050
CVHM2207	10/19/2022	85	7.77:1	3,500	25.44%	2,000	420	-2.33%	34	12.34	85,537	73,000	58,700
CPNJ2203	10/3/2022	69	24.8:1	187,300	41.48%	1,300	760	-3.80%	586	1.30	139,190	109,999	112,000
CMBB2205	10/31/2022	97	2:1	892,300	35.91%	3,000	1,050	-4.55%	136	7.70	47,800	32,000	25,150
CPNJ2202	10/3/2022	69	24.8:1	4,900	41.48%	1,200	790	-11.24%	648	1.22	117,834	99,999	112,000
CMWG2204	10/7/2022	73	4.97:1	660,200	34.94%	3,000	590	-13.24%	257	2.29	85,598	45,000	63,000
CMWG2203	9/26/2022	62	3.47:1	90,300	34.94%	1,990	420	-14.29%	225	1.87	76,937	148,000	63,000

Tổng		3,167,400	33.80%**
Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất		CR: Tỷ lệ chuyển đổi
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%		Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
	**Trung bình độ lệch chuẩn		*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 26/07/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2201 và CMBB2205 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 1,438.46% và 100.00%. Giá trị giao dịch tăng 0.14%, CFPT2204 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.87% thị trường.
- CHPG2203, CHPG2206, CVNM2207, và CSTB2210 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2204, CMSN2206, CMBB2207, và CVNM2207 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2203, và CPNJ2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2 Top tăng điểm VN			
CK	Giá	±giá (%)	Index pt
MSN	110.00	1.29	0.83
VCB	73.90	1.37	0.54
KDH	37.05	2.07	0.36
SAB	167.70	1.64	0.20
STB	22.95	0.44	0.19
Nguồn: Bloomberg, BSC Research			

Bảng 3 Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VIC	66.1	-1.78	-1.55
HPG	21.7	-1.14	-0.84
VNM	72.0	-1.23	-0.79
FPT	84.8	-0.70	-0.59
TCB	36.6	-0.54	-0.48
Nguồn: Bloomberg, BSC Research			

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	63.0	-0.5%	0.7	4,009	5.0	3,515	17.9	4.1	48.9%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	112.0	-1.1%	0.7	1,180	1.6	5,308	21.1	3.3	49.0%	19.9%
BVH	Bảo hiểm	54.4	-1.8%	1.2	1,756	2.3	2,529	21.5	1.9	26.6%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	43.5	-0.2%	0.7	443	0.0	3,287	13.2	1.3	58.5%	9.9%
VIC	Bất động sản	66.1	-1.8%	0.5	10,961	1.7	(578) #N/A	N/A	2.4	12.2%	-2.4%
VRE	Bất động sản	26.1	-1.0%	1.1	2,574	0.6	401	65.0	1.9	31.8%	3.0%
VHM	Bất động sản	58.7	-0.3%	0.8	11,113	1.9	8,786	6.7	2.0	23.2%	34.5%
DXG	Bất động sản	22.5	2.7%	1.4	594	11.0	1,503	15.0	1.5	29.2%	11.3%
SSI	Chứng khoán	20.3	-1.0%	1.7	1,312	14.6	2,841	7.1	1.4	22.1%	22.6%
VCI	Chứng khoán	37.7	-2.3%	1.0	549	3.5	4,546	8.3	1.8	18.3%	24.3%
HCM	Chứng khoán	25.3	-1.7%	1.6	503	4.5	2,522	10.0	1.5	42.4%	17.5%
FPT	Công nghệ	84.8	-0.7%	1.0	4,045	4.2	4,517	18.8	4.8	48.9%	27.1%
FOX	Công nghệ	69.9	2.0%	0.4	998	0.0	4,926	14.2	3.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	104.7	0.0%	1.0	8,713	2.2	5,109	20.5	3.7	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	40.9	-0.6%	1.5	2,257	0.4	1,950	20.9	2.0	17.6%	9.9%
PVS	Dầu khí	22.8	1.3%	1.6	474	2.7	1,408	16.2	0.9	8.9%	5.5%
BSR	Dầu khí	24.3	2.1%	0.8	3,276	18.0	2,108	11.5	2.0	41.1%	19.1%
DHG	Dược	92.0	0.5%	0.3	523	0.1	6,361	14.5	3.2	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	45.1	2.4%	1.3	767	3.3	12,920	3.5	1.4	15.9%	50.2%
DCM	Hóa chất	29.1	2.8%	1.2	669	3.6	5,643	5.1	1.7	9.0%	38.9%
VCB	Ngân hàng	73.9	1.4%	0.8	15,206	3.6	5,273	14.0	2.8	23.5%	21.9%
BID	Ngân hàng	35.6	0.4%	1.2	7,819	1.4	2,266	15.7	2.1	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	26.6	-0.2%	1.5	5,548	2.5	2,558	10.4	1.3	26.6%	13.0%
VPB	Ngân hàng	27.7	0.2%	1.2	5,354	9.0	3,755	7.4	1.4	17.6%	22.2%
MBB	Ngân hàng	25.2	-0.4%	1.3	4,132	3.9	3,623	6.9	1.5	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	24.1	0.0%	1.1	3,532	1.6	3,081	7.8	1.7	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	59.0	0.2%	0.7	210	0.1	3,150	18.7	2.0	85.4%	10.7%
NTP	Nhựa	40.6	-1.2%	0.6	229	0.1	3,914	10.4	1.8	17.8%	18.0%
MSR	Tài nguyên	18.8	-1.1%	1.6	898	0.1	178	105.6	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	21.7	-1.1%	1.1	5,473	25.0	5,726	3.8	1.3	20.5%	40.4%
HSG	Thép	16.6	-5.7%	1.6	360	7.2	7,157	2.3	0.7	6.6%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	72.0	-1.2%	0.6	6,542	3.6	4,390	16.4	4.7	54.7%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	167.7	1.6%	0.8	4,676	1.2	5,969	28.1	5.0	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	110.0	1.3%	1.0	6,809	2.3	7,041	15.6	5.7	28.9%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	17.8	-0.3%	1.6	487	0.5	1,144	15.6	1.3	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	85.9	0.9%	0.8	8,130	0.1	363	236.8	5.0	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	125.1	-0.6%	1.1	2,946	2.3	361	346.1	4.0	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	16.2	-0.9%	1.7	1,560	0.4	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	50.4	0.8%	1.0	660	1.5	2,256	22.3	2.3	46.0%	10.8%
PVT	Vận tải	19.0	0.3%	1.4	267	0.9	2,088	9.1	1.1	13.4%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	72.8	-2.3%	0.9	506	0.1	10,540	6.9	2.2	3.1%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	56.2	-1.4%	0.8	1,096	2.3	4,345	12.9	3.3	5.7%	27.6%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.8	0.3%	1.1	262	0.3	506	31.2	1.2	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	56.4	1.1%	1.2	181	0.8	(27) #N/A	N/A	0.5	51.9%	0.0%
CII	Xây dựng	19.1	0.0%	1.4	209	2.6	1,266	15.1	0.9	10.7%	6.1%
REE	Điện	76.3	-4.1%	-1.4	1,179	3.4	5,994	12.7	2.0	49.1%	16.7%
PC1	Điện	37.1	0.8%	-0.4	379	1.5	3,238	11.4	1.8	4.7%	16.9%
POW	Điện	13.0	-1.1%	0.6	1,324	3.7	859	15.1	1.0	2.3%	6.9%
NT2	Điện	25.4	-2.5%	0.6	317	0.8	3,116	8.1	1.6	14.3%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	36.0	-0.6%	1.5	1,201	2.8	866	41.6	1.9	19.2%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	68.5	1%	1.0	3,083	0.3	1,190	57.6	4.3	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	73.90	1.37	1.20	1.12MLN
MSN	110.00	1.29	0.51	487400
SAB	167.70	1.64	0.44	165100
BID	35.55	0.42	0.19	885800
BCM	68.50	1.03	0.18	116000

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.16	592700	1.11MLN
VNM	0.00	-0.48	1.15MLN	607060
HPG	0.00	-0.37	26.38MLN	373600
REE	0.00	-0.30	1.02MLN	192700
VHM	0.00	-0.22	737100	611640

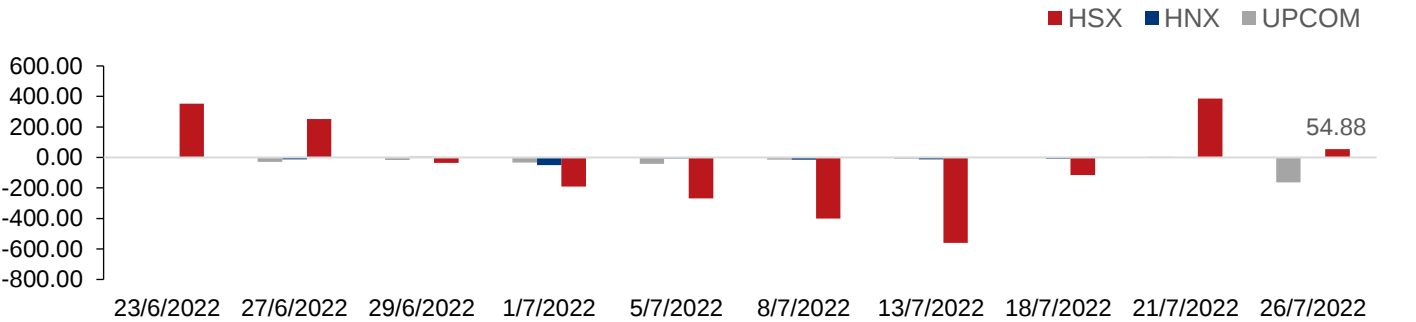
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TDG	6.29	6.97	0.00	392500.00
ST8	26.85	6.97	0.01	581000
IMP	67.90	6.93	0.07	6700
CLW	34.75	6.92	0.01	100
BMC	16.45	6.82	0.00	65700

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVI	74.40	-6.88	-0.02	2200
VOS	16.40	-6.82	-0.04	1.57MLN
ACL	18.55	-6.78	-0.02	725200.00
VSH	40.10	-6.74	-0.17	549800
CSM	16.65	-6.72	-0.03	18600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	45.1	12,920	3.5	1.4	Click
2	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	15.8	506	31.2	1.2	Click
3	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	25.4	3,116	8.1	1.6	Click
4	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	16.6	0	146.6	0.6	Click
5	LHG	BDS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	35.1	6,244	5.6	1.2	Click
6	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	22.7	1,187	19.1	1.8	Click
7	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	37.1	3,238	11.4	1.8	Click
8	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	13.0	859	15.1	1.0	Click
9	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	17.5	9,632	1.8	0.7	Click
10	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	76.3	5,994	12.7	2.0	Click
11	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	35.0	4,406	7.9	0.9	Click
12	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	104.7	5,109	20.5	3.7	Click
13	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	43.6	3,842	11.3	2.0	Click
14	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	21.7	5,726	3.8	1.3	Click
15	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	16.4	4,039	4.1	2.2	Click
16	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	24.3	2,108	11.5	2.0	Click
17	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	65.1	3,434	19.0	5.3	Click
18	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	112.0	5,308	21.1	3.3	Click
19	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.0	1,701	8.2	0.6	Click
20	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	25.4	3,116	8.1	1.6	Click
21	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	69.5	10,782	6.4	1.4	Click
22	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	77.0	4,874	15.8	5.0	Click
23	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	37.1	3,238	11.4	1.8	Click
24	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	14.6	66	219.9	0.8	Click
25	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	84.8	4,517	18.8	4.8	Click
26	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	27.2	2,279	11.9	1.8	Click
27	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	17.5	9,632	1.8	0.7	Click
28	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.0	859	15.1	1.0	Click
29	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	112.0	5,308	21.1	3.3	Click
30	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	63.0	3,515	17.9	4.1	Click
31	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.0	2,088	9.1	1.1	Click
32	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	95.7	12,412	7.7	3.9	Click
33	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	21.7	5,726	3.8	1.3	Click
34	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	36.0	866	41.6	1.9	Click
35	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	23.8	5,207	4.6	1.5	Click
36	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	22.5	1,503	15.0	1.5	Click
37	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	60.7	4,775	12.7	4.9	Click
38	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	43.6	3,842	11.3	2.0	Click
39	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	25.8	2,906	8.9	1.8	Click
40	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	78.8	11,153	7.1	2.0	Click
41	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	27.7	1,941	14.3	1.3	Click
42	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	43.5	3,287	13.2	1.3	Click
43	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	22.8	1,408	16.2	0.9	Click
44	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	104.7	5,109	20.5	3.7	Click
45	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	20.6	4,011	5.1	1.4	Click
46	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	56.4	-27	#N/A N/A	0.5	Click
47	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	14.0	1,701	8.2	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
5	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
6	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
7	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
8	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
9	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
11	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
12	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
14	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
16	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
17	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
20	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
23	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
26	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
29	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
30	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
32	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
34	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
36	Banking Sector Outlook		x	Click
37	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
39	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
40	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
41	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
42	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
44	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639